

Bản án số: 54 /2018/HS-ST
Ngày: 12-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Điều Thị Thúy Hà

Bà Tẩn Thị Thu Hà

Bà Giàng Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Giàng Thị T1 (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1993, tại xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 10, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú trước khi bị bắt: Đội 10, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng A G (SN 1940) và bà: Cháng Thị M (SN 1952); Bị cáo chung sống như vợ chồng với ông Vừ A L (SN 1986) và có 01 con sinh ngày 21/11/2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/11/2018; tại ngoại ngày 29/11/2018 có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị T do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên cử: Ông Nguyễn Quang K - Luật sư, Cộng tác viên Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Giàng Thị T2 - Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên có mặt;

Ông Vừ A T – Sinh năm 1992

Nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vắng mặt không có lý do;

Ông Vừ A D – Sinh năm 1977

Nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vắng mặt không có lý do.

- Người phiên dịch: ông Sùng A C – SN: 1994

Nơi cư trú: Tổ 16, Phường M, Tp Đ, tỉnh Điện Biên có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 15 phút ngày 20/11/2017 tổ công tác Đoàn Công an Mùn Chung, Công an huyện Tuần Giáo làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại tuyến Quốc lộ 6A, đến đoạn đường thuộc xóm H, xã M, huyện T phát hiện trong túi xách màu đen tại giá để hàng phía trước yên xe của bị cáo Giàng Thị T1 có 04 cục chất bột màu trắng nghi là Heroin được bọc phía ngoài bằng băng dính màu đen; 02 túi ni lon màu xanh, trong túi thứ nhất có 202 viên nén (200 viên màu hồng và 02 viên màu xanh); trong túi thứ hai có 201 viên nén (198 viên nén màu hồng và 03 viên nén màu xanh) trên tất cả các viên nén đều có chữ “WY” nghi là ma túy tổng hợp. Bị cáo Giàng Thị T1 khai nhận số chất bột màu trắng là Heroin, số viên nén là túy tổng hợp, bị cáo vừa nhận được ở thành phố Đ mang về huyện T để bán. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Giàng Thị T1 thu giữ, niêm phong vật chứng và đưa về Công an huyện Tuần Giáo để điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Giàng Thị T1 khai nhận: Khoảng 7 giờ ngày 20/11/2017 bị cáo T1 đang ở nhà bố mẹ tại Khu H, Đội 10, xã M, huyện T thì nhận được điện thoại của Giàng Thị T2 sinh năm 1984 trú tại Tổ dân phố T, thị trấn T hỏi “có biết ai bán ma túy không, nếu có lấy cho T2 04 cây Heroin và 02 túi hồng phiến”. Sau đó bị cáo T1 gọi điện thoại cho Vừ A L (là người bị cáo chung sống như vợ chồng) đang ở Bản C, xã P, huyện Đ nhờ chuyển máy cho Vừ A T1 là họ hàng với L ở cùng bản để nói chuyện; L đồng ý bảo bị cáo tắt máy đi. Khoảng 05 phút sau Vừ A T1 gọi cho bị cáo từ số điện thoại của Vừ A L, Bị cáo T1 hỏi T1 “có ma túy bán không? Có người muốn mua 4 cây Heroin và 02 túi hồng phiến”; T1 trả lời “giá bán 01 cây Heroin là 14 triệu đồng, 01 túi hồng phiến là 06 triệu đồng, khi nào bán được ma túy thì trả tiền cho T1, T1 chia lãi cho bị cáo”. Khoảng 01 giờ sau Giàng Thị T2 gọi điện lại hỏi bị cáo T1, hai bên trao đổi nhất trí bị cáo T1 lấy ma túy về huyện T bán cho Giàng Thị T2. Sau đó bị cáo T1 gọi điện thống nhất với T1 giao nhận ma túy tại thành phố Đ, khoảng 9 giờ cùng ngày Bị cáo T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1-223.93 xuống thành phố Đ đi đến cầu có đường rẽ vào Khách sạn H gặp T1 một mình đang đứng ở cạnh đường, T1 đưa cho bị cáo 01 túi màu trắng bên trong có 02 túi hồng phiến và 04 cục Heroin. Bị cáo T1 nhận ma túy cất giấu vào túi màu đen để tại giá để hàng phía trước yên xe mô tô và đi về

huyện T, sau đó bị tổ công tác công an đồn Mùn Chung bắt quả tang tại xóm H, xã M, huyện T.

Đối với Giàng Thị T2 nhà ở Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện T quá trình điều tra và tại phiên tòa đều không thừa nhận được trao đổi mua bán ma túy với Bị cáo T1 mà chỉ trao đổi về việc mua vải. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuần Giáo tiến hành khám xét khẩn cấp Người, nơi ở của Giàng Thị T2 và thu giữ số tiền 35.900.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành.

Đối với Vừ A L và Vừ A T1 đều trú tại Bản C, xã P, huyện Đ hiện không có mặt tại địa phương nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ, khi có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Tại bản khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vừ A T2, ông Vừ A D trình bày: Xe mô tô BKS 27B1-223.93 thu giữ khi bắt bị cáo thuộc sở hữu hợp pháp của Vừ A D, ông D đã bán cho ông Vừ A T2. Khoảng đầu tháng 11/2017 bị cáo T1 mượn của ông T2 để đi lại từ huyện Đ về huyện T, ông T2 không biết việc bị cáo T1 sử dụng xe để vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy.

Bản Kết luận giám định số 183/GĐ-PC45, ngày 28/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 04 mẫu chất bột màu trắng gửi giám định trích ra từ vật chứng thu giữ của Giàng Thị T1 là ma túy : Loại Heroin; 02 mẫu viên nén màu hồng, 02 mẫu viên nén màu xanh gửi giám định trích ra từ vật chứng thu giữ của Giàng Thị T1 là chất ma túy: Loại Methamphetamine. Khối lượng vật chứng thu giữ của Giàng Thị T1 gồm: 150,51 gam Heroin và 39,31 gam Methamphetamine.

Cáo trạng số 12/CT-VKS-P1 ngày 23/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Giàng Thị T1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h Khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Giàng Thị T1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h Khoản 4 Điều 194 của BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Xử phạt bị cáo Giàng Thị T1 20 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 194 của BLHS năm 1999 đối với bị cáo vì bị cáo không có khả năng thi hành. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 của BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của BLTTHS năm 2015 tịch thu tiêu hủy 150 gam Heroin và 38,75 gam Methamphetamine (đã trừ mẫu vật gửi giám định) thu giữ của bị cáo. Đối với chiếc điện thoại di động hiệu MASSTEL màu đen thu giữ của bị cáo cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước; tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành 3.196.000đồng thu được của bị cáo Giàng Thị T1 không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị T1 nhất trí với cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Nghị quyết 41/2017 của Quốc Hội; điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cân nhắc áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của BLHS năm 1999 đối với bị cáo, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Trong lời nói sau cùng tại phiên tòa, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua tranh tụng tại phiên tòa đã làm rõ ngày 20/11/2017 Bị cáo Giàng Thị T1 nhằm tìm kiếm lợi nhuận đã vận chuyển ma túy từ thành phố Đ về huyện T nhằm mục đích để bán. Lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 01,02); Biên bản niêm phong vật chứng (BL 48); Biên bản niêm phong và xác định trọng lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng (BL 49-51); Kết luận giám định (BL 63) và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định Bị cáo Giàng Thị T1 đã mua 150,51gam Heroin và 39,31gam Methamphetamine và vận chuyển từ thành phố Đ về huyện T nhằm mục đích bán để tìm kiếm lợi nhuận. Hành vi của bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết tăng nặng định khung “Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 4 điều 194 của BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là điểm h khoản 4 điều 251 của BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017). Cáo trạng số 12/CT-VKS-P1 ngày 23/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Giàng Thị T1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” về tội danh; điểm, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ HĐXX chấp nhận.

[3] Bị cáo Giàng Thị T1 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm và sẽ bị xử lý

ng nghiêm khắc khi bị phát hiện. Hành vi của bị cáo xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động mua bán các chất ma túy. Bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng ma túy tương đối lớn quy đổi 02 chất ma túy thành 163,61 gam Heroin. Hành vi của bị cáo góp phần làm lan truyền tệ nạn sử dụng ma túy, làm gia tăng các tội phạm về ma túy, là một trong các nguyên nhân gây mất trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện T nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Bị cáo sinh ra và lớn lên trong một gia đình đông anh chị em, cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn, bản thân được học tập văn hóa lớp 12/12. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về toàn bộ hành vi phạm tội; bị cáo có bố ruột được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị T1 tại phiên tòa về các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 của BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ HĐXX chấp nhận. Đề nghị của Người bào chữa về áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là không có căn cứ HĐXX không chấp nhận. HĐXX thấy, nhằm ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới đồng thời răn đe cảnh tỉnh, giáo dục pháp luật cho những người khác cần áp dụng điểm h khoản 4 điều 194 của BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 nay là điểm h khoản 4 điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt mức hình phạt tù phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là khoản 5 Điều 251 của BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017) bị cáo T1 còn phải *“bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của cơ quan Điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có thu nhập thường xuyên, gia đình bị cáo sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân và Người bào chữa cho bị cáo T1 đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và tịch thu tài sản đối với bị cáo là phù hợp HĐXX chấp nhận.

[4] Đối với Giàng Thị T2 cư trú tại Tổ dân phố Thành Công, thị trấn Tòa Chùa, huyện Tòa Chùa quá trình điều tra và tại phiên tòa không làm rõ được việc trao đổi việc mua bán ma túy giữa T2 và Bị cáo nên HĐXX không xem xét xử lý.

Đối với Vừ A L và Vừ A T1 đều trú tại Bản C, xã P, huyện Đ qua công tác xác minh không có mặt tại địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra tách để tiếp tục làm rõ, khi có đủ cơ sở sẽ xử lý sau. Do đó, HĐXX không đặt vấn đề xem xét xử lý trong vụ án.

[5] Vật chứng vụ án:

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành 35.900.000 đồng

thu giữ ngày 20/11/2017 khi thực hiện khám xét khẩn cấp người, nơi ở của Giàng Thị T2, xét thấy không liên quan đến vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tuần Giáo đã trả lại cho Giàng Thị T2 ngày 29/11/2017 (BL70, 133-141) phù hợp với quy định tại Điều 34, Điều 76 của BLTTHS năm 2003, HĐXX chấp nhận;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu sơn đỏ- đen, BKS 27B1-223.93, số khung RLCS5C6J0EY086875, số máy 5C6J086980 xe đã qua sử dụng thu giữ khi bắt bị cáo Giàng Thị T1, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ chủ sở hữu hợp pháp là ông Vũ A T2, ngày 05/3/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã trao trả lại cho ông Vũ A T2 là phù hợp với quy định tại các điều 34, 76 của BLTTHS năm 2003 (BL 70, 156 -159, 162-163) HĐXX chấp nhận.

- 150 gam Heroin và 38,75 gam Methamphetamine (đã trừ mẫu vật gửi giám định) thu giữ của bị cáo T1 là vật nhà nước cấm lưu hành; 01 túi xách giả da màu đen đã qua sử dụng, 04 lớp băng dính màu đen, 02 túi ni lon màu xanh là những vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu MASSTEL màu đen thu giữ của bị cáo Giàng Thị T1 là phương tiện bị cáo dùng vào việc mua bán trái phép chất ma túy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành 3.196.000 đồng thu được của bị cáo Giàng Thị T1 có đủ căn cứ để xác định thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo và không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo Giàng Thị T1.

[6] Về án phí: bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T1.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 194 của BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 nay là điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố:

Bị cáo Giàng Thị T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Giàng Thị T1 20 (hai mươi) năm tù. Khấu trừ cho bị cáo 09 ngày tạm giữ,

Bị cáo còn phải chấp hành 19 (mười chín) năm 11 (mười một) tháng 21(hai một) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo Giàng Thị T1.

2. Xử lý vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 phong bì màu trắng, các mép đều được dán kín. Mặt trước gói niêm phong có dán mảnh giấy có chữ đánh máy với nội dung: Vật chứng còn lại vụ Giàng Thị T1 - sinh năm 1993, trú tại Đội 10, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Đoàn công an Mùn Chung Công an huyện Tuần Giáo bắt quả tang, thu giữ hồi 21 giờ 15 phút ngày 20/11/2017 tại Đoàn công an Mùn Chung Công an huyện Tuần Giáo. Trọng lượng Mẫu số 1: 37,53 (ba mươi bảy phẩy năm mươi ba) gam chất bột màu trắng, nghi Hêrôin; Mẫu số 2: 37,25 (ba mươi bảy phẩy hai mươi lăm) gam chất bột màu trắng, nghi Hêrôin; Mẫu số 3: 37,64 (ba mươi bảy phẩy sáu mươi bốn) gam chất bột màu trắng, nghi Hêrôin; Mẫu số 4: 37,58 (ba mươi bảy phẩy năm mươi tám) gam chất bột màu trắng, nghi Hêrôin; Mẫu số 5: 19,6 (mười chín phẩy sáu) gam viên nén màu hồng, nghi ma túy tổng hợp; Mẫu số 6: 0,09 (không phẩy không chín) gam viên nén màu xanh, nghi ma túy tổng hợp; Mẫu số 7: 18,88 (mười tám phẩy tám mươi tám) gam viên nén màu hồng, nghi ma túy tổng hợp; Mẫu số 8: 0,18 (không phẩy mười tám) gam viên nén màu xanh, nghi ma túy tổng hợp. Mặt sau gói niêm phong trên các mép dán có các chữ ký giáp lai họ tên của Lò Văn Hồng, Lò Văn Cường, Giàng A Thái, Lương Văn Biện, Giàng Thị T1 và đóng 02 dấu niêm phong của Công an huyện Tuần Giáo- tỉnh Điện Biên, bên ngoài gói niêm phong được dán kín bằng một lớp ni lon màu trắng trong suốt.

- 01 (một) túi xách màu đen giả da đã qua sử dụng;

- 02 (hai) túi ni lon màu xanh;

- 04 (bốn) lớp băng dính màu đen

* Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu MASSTEL màu đen, số IMEI1 864715015835414 số IMEI2 864715015835422, đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Giàng Thị T1;

- Trả lại cho Bị cáo Giàng Thị T1 tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành 3.196.000 đồng (ba triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 23 tháng 4 năm 2018).

3. Án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Thị T1.

4. Kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Giàng Thị T2 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/6/2018).

Ông Vũ A T2, ông Vũ A D có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên (PC 47);
- Cơ quan thi hành án hình sự tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh DB;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa

